

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 01 - 2018
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hồng Việt;
2. Bà Lê Thị Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang* tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2017/TLST-HNGĐ, ngày 12/10/2017 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 08/01/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 1974; (có mặt)

Địa chỉ: Xóm GG, xã TQ huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm GG, xã TQ huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên hoà giải chị Đỗ Thị H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị tìm hiểu và kết hôn với anh Nguyễn Văn D vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T M, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống cùng bố mẹ chồng được 01 tuần thì vợ chồng ra ở riêng trên đất của bố mẹ chồng tại xóm GG, xã TQ huyện YS, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, phát sinh mâu thuẫn nhiều nhất từ ngày 10/6/2017. Khi chị đi bê ngô về thì chồng chị ghen tuông vô cớ và đánh chị. Cũng nhiều trước chồng chị đánh chị, chị không chịu được và đã về nhà bố mẹ đẻ sống. Từ đó vợ chồng ly thân. Khi ly thân anh D có gặp chị xin lỗi chị và gia đình chị nhưng chị không đồng ý thì anh D chửi chị. Nay chị xác định tình cảm

vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/11/1997 và cháu Nguyễn T L, sinh ngày 30/6/2003. Hiện nay cháu T đã trưởng thành có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết nuôi con.

Đối với cháu Nguyễn T L chị nhận nuôi con theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chung; Vợ chồng chị không có.

Về vay nợ: Vợ chồng chị không có.

Về chứng cứ chị Đỗ Thị H cung cấp cho Toà án:

- 01 Trích lục kết hôn;
- 01 bản sao Giấy khai sinh mang tên Nguyễn T L và 01 trích lục khai sinh Nguyễn Văn T;
- 02 bản sao Giấy chứng minh nhân dân tên Đỗ Thị H, Nguyễn Văn T;
- 01 bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Nguyễn Văn D;
- Biên lai báo phát tên người nhận Nguyễn Văn D.

Tại biên bản lấy lời khai, lời trình bày tại phiên hoà giải anh Nguyễn Văn D trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh tìm hiểu và kết hôn với chị H vào ngày 22 tháng 7 năm 1995, đăng ký kết hôn tại UBND xã T M, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống với bố mẹ được 01 tuần thì vợ chồng ra ở riêng tại xóm GG, xã TQ huyện YS, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng tình cảm hoà thuận và hạnh phúc. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là ghen tuông, do vợ anh thường xuyên gọi điện cho người khác nhưng anh không biết cụ thể là ai và thường hay nhắn tin kết bạn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và anh có đánh vợ anh vài lần. Từ đó vợ bỏ đi, anh đã đến nhà mẹ vợ anh khuyên bảo và nhận lỗi chị H mong chị H về đoàn tụ nhưng chị H không nhất trí. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, bản thân anh rất yêu thương vợ, chị H xin ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/11/1997 và cháu Nguyễn T L, sinh ngày 30/6/2003. Hiện nay cháu T đã trưởng thành có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết nuôi. Nếu trong trường hợp ly hôn anh để chị H trực tiếp nuôi cháu L, do anh không có việc làm ổn định nên không có khả năng nuôi con.

Về tài sản chung; Vợ chồng anh không có tài sản chung.

Về vay nợ: Vợ chồng anh không vay nợ ai.

Kết quả xác minh: Xác minh với Trưởng thôn GG, Trưởng thôn cho biết chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn D đã phát sinh mâu thuẫn khoảng 08 tháng nay. Nguyên nhân do anh D uống rượu, mắc tệ nạn xã hội, Hành hung chị H. Thôn có can thiệp, hoà giải nhưng không thành.

Ý kiến cháu Nguyễn T L: Cháu thấy bố mẹ cháu có cãi nhau. Đến nay bố mẹ cháu không còn ở với nhau. Bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn ở với mẹ.

Tại phiên toà: Chị Đỗ Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến Hành các hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải, thông báo, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D; Giao cháu Nguyễn T L cho chị Đỗ Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí ly hôn; Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

(1) Anh Nguyễn Văn D đăng ký nhân khẩu thường trú tại xóm GG, xã TQ huyện YS. Chị Đỗ Thị H có đơn khởi kiện ly hôn. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

(2) Vụ án được Tòa án hoà giải nhưng không tHnh. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Nguyễn Văn D. Anh D vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa, tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh D nhưng anh D vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt anh D.

(3) Hôn nhân của chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn D trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nH nước có thẩm quyền do đó hôn nhân là hợp pháp. Cuộc sống chung chị H, anh D phát sinh nhiều từ cách đây 08 tháng. Nguyên nhân do nghi ngờ nhau, không tin tưởng nhau, anh D mắc tệ nạn xã hội, đánh chị H. Chị H đã về nhà bố mẹ để sống ly thân với anh D từ tháng 6/2017. Anh D có đến xin lỗi, xin đón chị H về nhưng chị H không về. Xét thấy: Chính quyền xóm và hai bên gia đình đã hoà giải, Tòa án đã hoà giải nhiều lần, tạo điều kiện để anh D, chị H về đoàn tụ nhưng chị H không về, do đó cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn là đã trầm trọng. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị H ly hôn anh D.

(4) Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn D có hai con chung là cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/11/1997 và cháu Nguyễn T L, sinh ngày 30/6/2003. Hiện nay cháu T đã trưởng tHnh có khả năng lao động nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con. Đối với cháu Nguyễn T L, sinh ngày 30/6/2003 chị H nhận nuôi, anh D nhất trí và cháu L muốn ở với mẹ. Do đó căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn

nhân và Gia đình giao cháu Nguyễn T L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là đảm bảo quyền lợi cho cháu L. Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

(5) Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của Điều 147 BLTTDS và theo quy định của khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh D không phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

(6) Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H xin ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Tuyên xử:

1. Cho chị Đỗ Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn T L cho chị Đỗ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004397 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Chị Đỗ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã T M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Anh THnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Việt

Lê Thị Hoa

Phan Anh THnh

